

Số 3557 /BTNMT-KHTC

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2021 VÀ NĂM 2022

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương năm 2021 và năm 2022

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường gồm các nội dung: việc thi hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển của địa phương; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, phối hợp trong công tác quản lý môi trường giữa các cấp, các ngành, tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm

2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đánh giá tình hình triển khai Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đánh giá các chỉ tiêu môi trường trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm chỉ đạo, giải quyết kịp thời vấn đề nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 8/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại.

- Đánh giá tình hình triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

+ Về xử lý các điểm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt Kế hoạch xử lý phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước;

+ Về bảo vệ môi trường không khí: Đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2016 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của địa phương theo chỉ đạo của Đảng, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2021 và năm 2022

- Tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2021 và ước thực hiện năm 2022: Nêu cụ thể danh mục các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và kinh phí đã bố trí để thực hiện; kết quả sản phẩm của các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường đã triển khai thực hiện; hiệu quả đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; số kinh phí đã giải ngân tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022; Dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2022 (theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 01).

- Đối với các dự án xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, các điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích và Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 và Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2018 phê duyệt Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối tượng công ích giai đoạn 2016-2020 (nếu có): đề nghị báo cáo tình hình thực hiện, kết quả thực hiện, sản phẩm, tình hình duy trì vận hành của dự án sau khi được hỗ trợ từ ngân

sách Trung ương giai đoạn 2016-2020; tình hình bố trí vốn đối ứng của địa phương để thực hiện dự án.

- Phân tích, đánh giá các mặt thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

3. Kiến nghị và đề xuất

Qua việc thực hiện kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2021 - 2022; trên cơ sở đánh giá, phân tích ở phần 1 và phần 2 nêu trên, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các kiến nghị, đề xuất khác.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2023 - 2025 TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ đề xuất các nhiệm vụ:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Luật Đa dạng sinh học năm 2008 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Đa dạng sinh học.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
- Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;
- Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về Quản lý rác thải nhựa đại dương;
- Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;
- Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;
- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;
- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng;
- Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 8 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại;
- Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam;
- Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021 - 2030;
- Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Điều tra, kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;
- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 1 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 410/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Điều tra, kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

- Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 558/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Danh mục và phân công đơn vị xây dựng văn bản pháp luật do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì; phân công đơn vị phối hợp xây dựng văn bản pháp luật do các Bộ, ngành, địa phương chủ trì và nhiệm vụ để triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo khác của Thủ tướng Chính phủ.

Các nhiệm vụ đề xuất cần bảo đảm:

- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành.

- Phù hợp với các nội dung quy định tại: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Phù hợp với các nhiệm vụ chi được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Điều 152 đến Điều 153).

- Phù hợp với chỉ đạo của cấp có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2. Kế hoạch bảo vệ môi trường. ứng phó với biến đổi khí hậu

Tập trung nguồn lực triển khai, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giải quyết kịp thời vấn đề nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 8/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng

phó với biến đổi khí hậu, theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán Ngân sách nhà nước năm 2023, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ chính như sau:

2.1. Xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương

- Tập trung hỗ trợ xử lý, làm sạch nguồn nước, đặc biệt ở các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, sông Đồng Nai và các sông, hồ, ao, kênh, mương.

- Hỗ trợ xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động công nghiệp, xây dựng, giao thông ở khu công nghiệp, đô thị, đặc biệt là ô nhiễm do bụi ở các khu vực nội thị, khu tập trung dân cư.

- Tập trung thực hiện hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn tại địa phương.

- Tập trung rà soát, xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu còn tồn đọng. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung, tiến độ xử lý các dự án, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật còn tồn đọng trên địa bàn quản lý.

- Tập trung thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, điểm phát sinh dịch bệnh; khắc phục một số điểm nóng về môi trường do tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật và chất độc da cam/dioxin.

2.2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp.

- Xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường, cơ chế thực hiện, mô hình quản lý bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chí về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư tại địa phương.

- Bảo đảm hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030 thuộc thẩm quyền của địa phương. Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương. Xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường và tổng hợp số liệu về môi trường hàng năm.

- Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương;

- Ban hành danh mục đối với các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư tại địa phương.

- Tăng cường rà soát và lập danh mục các khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh; khu vực có khu công nghiệp, nhà máy sản xuất, kho chứa hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, bãi chôn lấp chất thải, làng nghề đã đóng cửa hoặc di dời; khu vực khai thác khoáng sản độc hại đã kết thúc khai thác.

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường địa phương;

- Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng gây nguy hại cho môi trường theo hướng không cho phép nhập khẩu các loại phế liệu có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, những loại phế liệu có hiệu quả tái chế thấp, những loại phế liệu trong nước đang sẵn có hoặc đáp ứng được nhu cầu nguồn nguyên liệu, phế liệu.

- Xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào quy hoạch tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải; tăng cường bảo vệ môi trường các lưu vực sông, cải thiện, phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm.

- Kiểm soát chặt chẽ các khu, cụm công nghiệp trong việc xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, lắp đặt hệ thống thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm cả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

- Tập trung giám sát các dự án lớn, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố, ô nhiễm môi trường cao, bảo đảm không để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng.

- Điều tra, thống kê chất thải, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

- Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn;

2.3. Quản lý chất thải

- Triển khai thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019 về thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn. Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn.

- Tăng cường quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại ở các đô thị, khu công nghiệp.

- Tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, trọng tâm là việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, nâng cao năng lực thu gom; triển khai một số mô hình điểm về xử lý chất thải nông thôn, làng nghề của địa phương; vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

- Xây dựng cơ chế giảm thiểu, quản lý chặt chẽ rác thải nhựa từ đất liền ra đại dương.

- Có chính sách thu hút xã hội hóa công tác xử lý chất thải (đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn), lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp.

- Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước chi cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian vừa qua, trong đó cần có số liệu cụ thể về chi ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển và các nguồn chi khác chi cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

2.4. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Triển khai các nhiệm vụ theo phân công của Chính phủ tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Đa dạng sinh học được ban hành trong thời gian qua; nâng cao năng lực quản lý và thực thi Luật đa dạng sinh học đến các cấp, các ngành trên địa bàn.

- Triển khai hoạt động quản lý, phát triển di sản thiên nhiên; xây dựng các văn bản chỉ đạo điều hành về quản lý di sản thiên nhiên;

- Thực hiện Quyết định số 1176/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Triển khai Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 8/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại.

- Phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá và bảo tồn các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo thẩm quyền của địa phương.

- Quản lý bảo vệ các khu bảo tồn, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học và các khu vực chưa đủ điều kiện thành lập khu bảo tồn; phát triển và mở rộng các khu bảo tồn thiên nhiên; hướng

ứng, triển khai sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ về trồng 1 tỷ cây xanh.

- Thực hiện Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn 2050; triển khai Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021 - 2030.

2.5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

- Tăng cường năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ bảo vệ môi trường các cấp. Xây dựng và thực hiện phương án về tổ chức, cán bộ của các cơ quan để đảm bảo thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn theo đúng Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường như đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, đưa vào hoạt động và thống nhất quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường, về đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

- Thống kê môi trường, xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp.

- Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường, mô hình tự quản tiên tiến ở địa phương.

- Hỗ trợ thực hiện các dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường ở địa phương.

2.6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu,

Tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu,, đặc biệt là công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn và không sử dụng túi nilon dùng một lần.

2.7. Triển khai, thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

Để triển khai, thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung vào các nội dung chính như sau:

+ Rà soát tình hình thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các quy chuẩn áp dụng, chương trình giám sát môi trường của các dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trong đó tập trung rà soát các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết. Trên cơ sở đó xác định các dự án cần ưu tiên quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình vận hành thử nghiệm.

+ Thực hiện các giải pháp tăng cường vai trò, đóng góp của thiên nhiên, đa dạng sinh học trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước; Lồng ghép các nội dung phù hợp về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các công cụ quản lý nhà nước của Bộ.

+ Triển khai Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 2067/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8 tháng 12 năm 2021 về phê duyệt Đề án “Kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021 – 2030.

- Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các lĩnh vực công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các loại hình, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, địa bàn nhạy cảm có khả năng xảy ra sự cố môi trường để phân loại theo các mức độ gây ô nhiễm, rủi ro đối với môi trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát phù hợp đối với từng nhóm đối tượng được phân chia theo danh mục mức độ ô nhiễm.

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đặc biệt đối với các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng thông qua các Tổ công tác liên ngành, chương trình kiểm tra định kỳ, chế độ giám sát đặc biệt như quan trắc online tự động liên tục và kết nối số liệu trực tuyến với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Trung ương cũng như địa phương, xây dựng hồ chỉ thị sinh học để kiểm chứng chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tập trung hướng dẫn địa phương rà soát, xây dựng quy hoạch quản lý chất thải rắn trên cơ sở đánh giá, dự báo nhu cầu xử lý, chôn lấp chất thải, khả năng đáp ứng của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trong và ngoài địa bàn. Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và có kế hoạch cụ thể xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các cơ sở xử lý, bãi chôn lấp chất thải không đạt yêu cầu. Phối hợp với các địa phương điều phối, liên kết giữa các cơ sở, các bãi chôn lấp trên địa bàn tỉnh, trong vùng hoặc trên cả nước để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại tồn đọng.

2.8. Ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh;

- Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước;

- Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh;

- Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn;

Danh mục dự án đề xuất theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 02.

3. Yêu cầu

- Kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường là một bộ phận và được tổng hợp chung trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 của các địa phương.

- Các dự án, nhiệm vụ đưa vào kế hoạch sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và theo các biểu mẫu hướng dẫn ở các phụ lục kèm theo.

- Sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả; tuân thủ các thủ tục, quy định hiện hành.

* Đối với các dự án đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách trung ương, đề nghị UBND tỉnh sớm có văn bản và hồ sơ đầy đủ theo quy định gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

Dự án xử lý các điểm tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật thuộc đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ bao gồm: Văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án; văn bản cam kết của tỉnh bố trí vốn đối ứng 50% để thực hiện dự án; Quyết định là cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt dự án của địa phương theo thẩm quyền; Có báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hoặc báo cáo đầu tư của dự án.

4. Tiến độ xây dựng kế hoạch

- Trước ngày 20 tháng 7 năm 2022: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo mẫu bảng tổng hợp tại phụ lục kèm theo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời gửi file điện tử

công văn và các phụ lục đính kèm vào 02 địa chỉ email: vukhtc@monre.gov.vn và vukhtc@vea.gov.vn.

- Từ ngày 21 tháng 7 năm 2022: Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường chung của cả nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính phối hợp, hướng dẫn các Sở, ban, ngành có liên quan và các huyện, thị xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo tiến độ nêu trên, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ môi trường của cả nước.

Mọi vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị liên hệ về Bộ Tài nguyên và Môi trường để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- TCMT;
- Lưu: VT, KHTC, BN.

 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Tỉnh, thành phố:.....

Phụ lục1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2021 - 2022

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2022 của)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

Tỉnh, thành phố:.....

Phụ lục 2

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023, GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2022 của)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]